

Ngày 30/06/2025	2,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	5.0%	-25.0%

	Q2/25	
ROE	2.9%	+/- YoY ▲ 0.7%

	Q2/25		
DT thuần	118	QoQ ▲ 32.2	YoY ▼ 11.0
		▲ 38.0%	▼ 8.2%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	204	YoY ▼ 17.0
		▼ 7.5%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	11.4	QoQ ▲ 8.02	YoY ▼ 2.70
		▲ 236%	▼ 19.4%
	tỷ VNĐ		

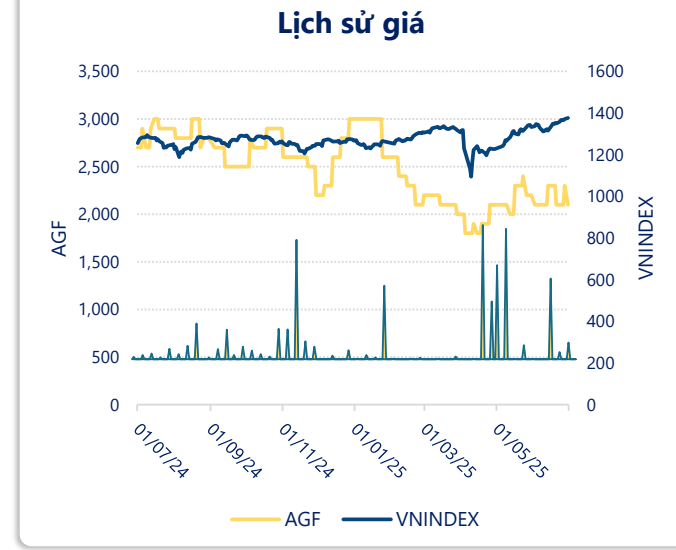
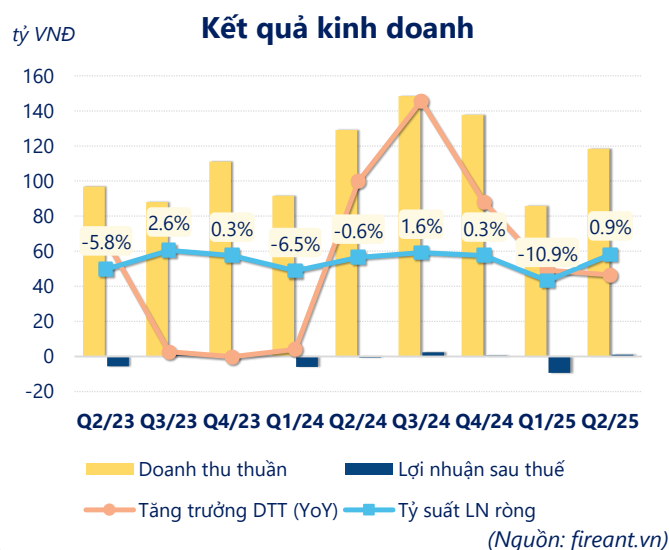
	6T 2025	
LN gộp	14.7	YoY ▼ 7.60
		▼ 33.8%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	0.50	QoQ ▲ 9.49	YoY ▼ 0.65
		▲ 106%	▼ 56.4%
	tỷ VNĐ		

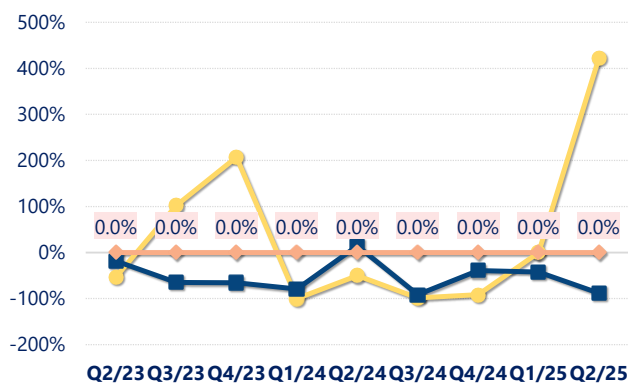
	6T 2025	
LN thuần	-8.48	YoY ▼ 4.32
		▼ 104%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	1.02	QoQ ▲ 10.4	YoY ▲ 1.75
		▲ 111%	▲ 240%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	-8.30	YoY ▼ 1.63
		▼ 24.4%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

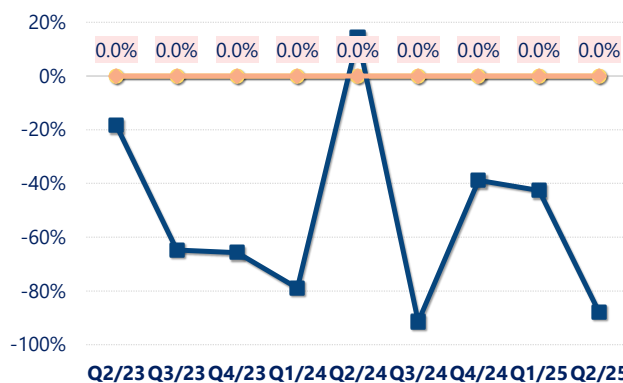


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

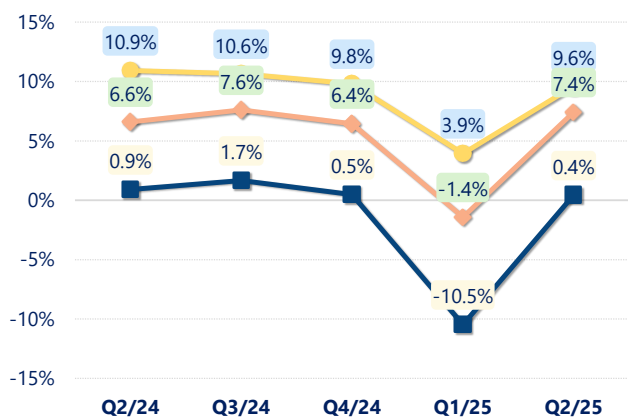


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

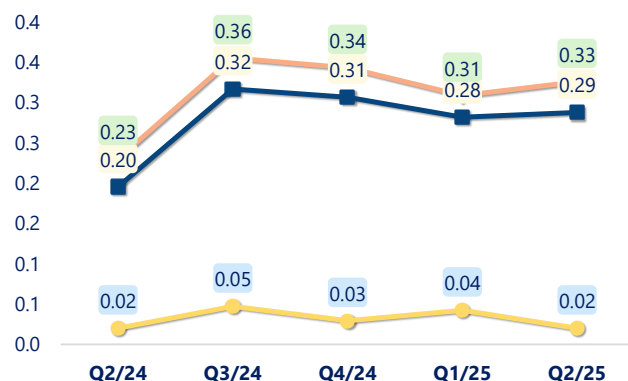


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

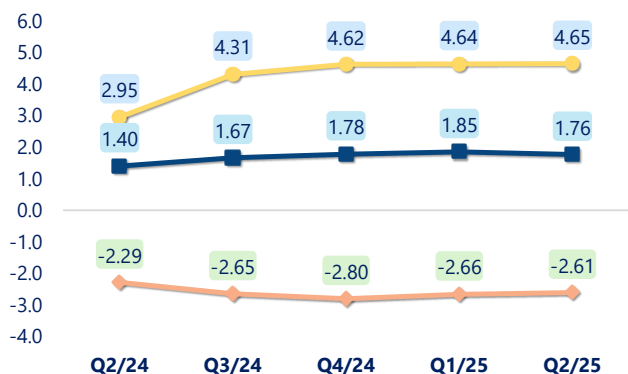


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

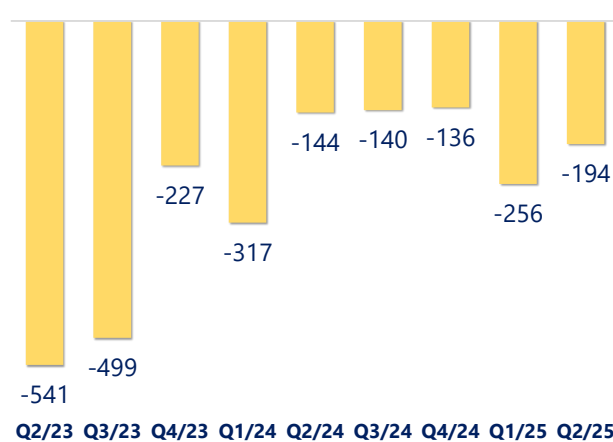


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	118	129	-8.2%	204	221	-7.5%
Giá vốn hàng bán	107	115	-7.0%	189	198	-4.5%
Lợi nhuận gộp	11.4	14.1	-19.4%	14.7	22.3	-33.8%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.08	50.6%	0.15	0.11	28.4%
Chi phí TC	7.92	9.45	-16.2%	16.2	19.3	-16.1%
Chi phí lãi vay	7.76	9.26	-16.2%	15.9	18.9	-16.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.78	0.84	-7.2%	1.70	1.52	11.7%
Chi phí QLDN	2.28	2.75	-17.2%	5.49	5.74	-4.3%
LN thuần từ HĐKD	0.50	1.15	-56.4%	-8.48	-4.16	-104%
Lợi nhuận khác	0.52	-1.89	128%	0.18	-2.51	107%
LN trước thuế	1.02	-0.73	240%	-8.30	-6.67	-24.4%
Lợi nhuận sau thuế	1.02	-0.73	240%	-8.30	-6.67	-24.4%
LNST của CĐ cty mẹ	1.02	-0.73	240%	-8.30	-6.67	-24.4%

(Nguồn: fireant.vn)

